

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 01/6/2020
"V/v Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

- **Các Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Mạnh Dũng, ông Nguyễn Đăng Bảy

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 01 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 151/2020/ TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56 /2020 / QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị La Thị Tr L ; Sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ : ấp 2 , xã T V , TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Bị đơn: anh Thoa T A ; Sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ : Khu H Đ , TT Đ Ph, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/04/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị La Thị Tr L (có đơn xin vắng mặt) trình bày:

Tôi và anh Thoa T A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, quá trình sống chung đến năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn , do tính cách không hợp nhau, không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không còn quan tâm tới nhau nữa, đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Thoa Tuấn Kiệt, sinh ngày 26/06/2014, nguyện vọng sau ly hôn để anh Thoa T A nuôi con, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Thoa T A (có đơn xin vắng mặt) qua lời khai trình bày: Vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn là đúng, mâu thuẫn là đúng, đồng ý ly hôn. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung đồng ý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị La Thị Tr L có đăng ký kết hôn với anh Thoa T A , nay chị La Thị Tr L xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị La Thị Tr L và anh Thoa T A tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, số đăng ký 84 , quyền số 01/2013 ngày 02/10/2013 , như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Thoa T A và chị La Thị Tr L là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung anh Thoa T A và chị La Thị Tr L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên đều thừa nhận và đã sống ly thân, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị La Thị Tr L được ly hôn với anh Thoa Tuấn Anh. Về con chung, anh Thoa T A đồng ý nhận nuôi con chung Thoa Tuấn Kiệt, sinh ngày 26/06/2014, vì vậy cần giao cháu Thoa Tuấn Kiệt cho anh Thoa T A nuôi con, không cấp dưỡng.

về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: chị La Thị Tr L nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị La Thị Tr L được ly hôn với anh Thoa T A .

Giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký 84 , quyền số 01/2013 , ký ngày 02/10/2013 do UBND TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung, giao cháu Thoa Tuấn Kiệt , sinh ngày 26/06/2014 cho anh Thoa T A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

4/ Về án phí: chị La Thị Tr L nộp số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010267 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong),

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên